

Bình Hàn, ngày 10 tháng 10 năm 2024

CÔNG KHAI
THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT NGÀY 03/6/2024
CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO- NĂM HỌC 2024 - 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở: trường mầm non Bình Hàn

2. Địa chỉ: Ngõ 169, đường Nguyễn Thượng Mẫn

Điện thoại: 03203840305.

Website: hd-mnbinhhan.haiduong.edu.vn

Email: hd-mnbinhhan@haiduong.edu.vn

3. Loại hình, chức năng, nhiệm vụ

- Loại hình: Công lập

- Cơ quan quản lý: UBND thành phố Hải Dương

- Giáo dục mầm non và thực hiện phổ cập GDMNTENT

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Sứ mạng: Tạo dựng môi trường chăm sóc, giáo dục trẻ thân thiện, có kỷ cương, nền nếp, giúp trẻ có kỹ năng công dân toàn cầu trong tương lai, xây dựng giá trị cốt lõi hướng đến tạo dựng uy tín, tạo lập niềm tin và khẳng định thương hiệu của nhà trường

- Tầm nhìn: Năm học 2024 -2025 trường Mầm non Bình Hàn tiếp tục giữ vững kiểm định CLGD cấp độ 1. Nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo và xin chuyển trường ra địa điểm mới để xây dựng trường chuẩn Xanh – Sạch- Đẹp chất lượng và hiệu quả. Nơi phụ huynh tin cậy, trẻ yêu mến. Một chiếc nôi rèn luyện để giáo viên cống hiến tâm huyết và trẻ được thương yêu, được an toàn, năng động, tự tin và có nhiều kỹ năng sống.

- Mục tiêu: Dạy trẻ biết yêu thương, biết chia sẻ, nuôi dưỡng tư duy tích cực; phát triển kỹ năng công dân toàn cầu trong tương lai. Trách nhiệm của nhà trường là CSGD trẻ phát triển toàn diện.

5. Quá trình thành lập và phát triển

- Trường mầm non công lập Bình Hàn được thành lập ngày 01 tháng 01 năm 1985, theo quyết định số 07 của UBND thị xã Hải Dương. Từ khi thành lập đến nay trường vẫn giữ nguyên vị trí và tên gọi. Nhà trường có 1 điểm trường với tổng diện tích là 1.015.6 m² được UBND Phường Bình Hàn đầu tư xây dựng tại địa bàn dân cư đông đúc, nằm tại ngõ 169, đường Nguyễn Thượng Mẫn, phường Bình Hàn nên rất thuận lợi về giao thông thuận tiện cho các bậc phụ huynh đưa đón gửi trẻ. Trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo Điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường nhiệm kỳ 2023-2028 được thành lập với 11 thành viên theo Quyết định số 225/QĐ-PGDĐT ngày 16/05/2024 của PGD&ĐT Thành phố Hải Dương về việc thành lập Hội đồng trường



Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp, các ngành, chính quyền địa phương, các bậc phụ huynh học sinh trong việc đầu tư kinh phí hỗ trợ cơ sở vật chất để từng bước phát triển, nâng cao vị thế.

Năm 2023 trường đạt KĐCLGD cấp độ 1. Với sự cố gắng nỗ lực của tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên, sự chung tay của các bậc phụ huynh, sự chăm ngoan của các bé trong những năm học qua, trường đạt được những thành tích đáng kể: Năm học: 2019- 2020 nhà trường được Chủ tịch UBND Thành Phố tặng “Giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”; Chi bộ Đảng được Đảng bộ phường Bình Hàn nhiều năm công nhận: Chi bộ trong sạch vững mạnh, Chi bộ " Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ” và trong năm 2020; 2022; Chi bộ nhà trường được Đảng Ủy phường Bình Hàn công nhận là “Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”; Công đoàn được LĐLĐTP công nhận: “Công đoàn vững mạnh”, năm 2020 Công đoàn nhà trường được Tổng LĐLĐ tặng Bằng khen: “Công đoàn cơ sở có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh”, đoàn Thanh niên đạt: “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

6. Thông tin đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Hà

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non công lập Bình Hàn, ngõ 169, đường Nguyễn Thượng Mẫn, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương. Số điện thoại: 03203840305.

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường: Trường mầm non công lập Bình Hàn được thành lập ngày 01 tháng 01 năm 1985, theo quyết định số 07 của UBND thị xã Hải Dương

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và các thành viên Hội đồng trường

- Quyết định số 435/QĐ-PGDĐT ngày 10/09/2024 của PGD&ĐT Thành phố Hải Dương về việc thành lập Hội đồng trường

Danh sách thành viên hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thị Hà	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Bà Lê Thị Đà	Chủ tịch Công đoàn	Thư ký
3	Ông Nghiêm Trọng Trung	Công chức VHXH phường	Thành viên
4	Bà Phạm Thị Thúy	Ban đại diện CMHS lớp 5TA	Thành viên
5	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Bí thư đoàn TNCSHCM	Thành viên
6	Bà Đinh Thị Thiện	TTCM tổ mẫu giáo 5 - 6 tuổi	Thành viên
7	Bà Lê Thu Hà	TTCM tổ mẫu giáo 4 - 5 tuổi	Thành viên
8	Đinh Thị Tâm	TTCM tổ mẫu giáo 3 - 4 tuổi	Thành viên
9	Bà Hà Thị Thu Minh	TTCM tổ NT-DD	Thành viên

10	Bùi Thị Thanh Huyền	GV- Trưởng BTTND	Thành viên
11	Bà Nghiêm Thị Kim Hưng	Kế toán	Thành viên

c) Quyết định Hiệu trưởng: Quyết định số 4854/QĐ-UBND 31/12/2020 Quyết định điều động và bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý đối với bà Nguyễn Thị Hà giữ chức vụ Hiệu trưởng

- Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 9/08/2023 điều động và bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý đối với bà Vương Thị Thu Thủy; Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 với bà Lưu Thị Xuân Hương;

d) Quy chế tổ chức hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng; nhiệm vụ; quyền hạn; sơ đồ bộ máy của cơ sở giáo dục

Quy chế tổ chức hoạt động; chức năng; nhiệm vụ; quyền hạn

- Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

- Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường công lập; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

- Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

- Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ bộ máy tổ chức của cơ sở

- + Hội đồng trường: 11 thành viên
- + 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng
- + 01 Hội đồng thi đua
- + Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam có: 01 Chi bộ, 22 Đảng viên
- + Tổ chức Công đoàn có 34 đoàn viên
- + Tổ chức Chi đoàn có 13 đoàn viên
- + Tổ chức Hội khuyến học có 34 thành viên
- + Tổ chức Hội chữ thập đỏ có 30 thành viên

đ) Họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ hòm thư, nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

TT	Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Thị Hà	HT	0976376487	nguyenhahd2908@gmail.com
2	Luu Thị Xuân Hương	PHT	0985722733	Luuhuonghd85@gmail.com
3	Vuong Thị Thu Thủy	PHT	0352366994	Vuongthuthuy75@gmail.com

Địa chỉ, nơi làm việc: trường Mầm non Bình Hàn, địa chỉ ngõ 169, đường Nguyễn Thượng Mẫn, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương

8. Các văn bản khác

- Chiến lược phát triển nhà trường: giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2025 số 01/PHCL-MNBH ngày 26/05/2015 và giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 số 01/PHCL-MNBH ngày 15/05/2020

- Quy chế dân chủ: Kế hoạch số 51a/KH-MNBH ngày 05/9/2024 Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

- Quy chế Hội đồng trường: Quyết định quy chế hoạt động của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2019 - 2024.

- Quyết định số 41/QĐ-MNBH ngày 02/8/2024 bổ nhiệm chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, CBQL và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ

Ban giám hiệu có năng lực quản lý, có chiến lược tầm nhìn, tư tưởng vững vàng, tích cực đổi mới, sáng tạo trong quản trị nhà trường.

Đội ngũ giáo viên đảm bảo về trình độ, có năng lực, chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình, tâm huyết, say mê công việc, yêu nghề, mến trẻ.

Nhà trường luôn quan tâm xây dựng chất lượng đội ngũ; coi việc nâng cao chất lượng đội ngũ là nhiệm vụ hàng đầu để bắt kịp xu thế giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

a) Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầu năm học 2024 -2025, cụ thể:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo
-----	----------	---------	------------------

			ThS	ĐH	CD	Chưa qua đào tạo
	Tổng số CBGVNV	35		29	1	5
I	Giáo viên	26		25	1	
1	Nhà trẻ	4		4		
2	Mẫu giáo	22		21	1	
II	Cán bộ quản lý	3		3		
1	Hiệu trưởng	1		1		
2	Phó hiệu trưởng	2		2		
III	Nhân viên	6		1		5
1	Nhân viên văn thư	0				
2	Nhân viên kế toán	1		1		
3	Thủ quỹ	0				
4	Nhân viên y tế	0				
5	Nhân viên cấp dưỡng	3				3
6	Bảo vệ	1				1
7	Lao công	1				1

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024	
		Số lượng	Tỷ lệ
1	Cán bộ quản lý	3	100%
2	Giáo viên	26	100%

c) Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

STT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024	
		Số lượng	Tỷ lệ
1	Cán bộ quản lý	3	100%
2	Giáo viên	26	100%

2. Thông tin về cơ sở vật chất

a) Diện tích khu đất, điểm trường, bình quân tối thiểu:

Trường mầm non Bình Hàn có tổng diện tích khuôn viên và sân vườn là 1.015.6m²/339 trẻ; Diện tích xây dựng công trình là 690,1m²/1.015.6m² chưa đảm bảo so với quy định tại TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non

b) Số lượng, hạng mục công trình

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Diện tích khu đất xây dựng	1015,6m ²	3m ² /trẻ
	Điểm trường	01	
2	Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng		
2.1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ		
	Phòng học (nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ)	13	1,09 m ² /trẻ
	Phòng vệ sinh	12	0,18 m ² /trẻ
2.2	Khối phòng phục vụ học tập		
	Thư viện	0	
	Phòng thể chất	0	
	Phòng đa chức năng (nghệ thuật)	0	
	Phòng khác (STEAM, tin học)	0	
2.3	Khối phòng tổ chức ăn		
	Nhà bếp	1	0,16 m ² /trẻ
	Nhà kho	1	2,875 m ²
2.4	Khối phòng hành chính, quản trị		
	Phòng hiệu trưởng	1	15,84 m ²
	Phòng phó hiệu trưởng	2	10 m ²
	Phòng kế toán	1	10,8 m ²
	Phòng y tế	1	6,48 m ²
	Phòng họp	1	34,5 m ²
	Phòng bảo vệ	0	
	Phòng nhân viên	0	
2.5.	Khối công trình phụ trợ		
	Nhà xe giáo viên	1	51,84 m ²
3	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có	1380	
4	Số lượng đồ chơi ngoài trời	7	
5	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác	0	
	Ti vi	7	
	Máy vi tính văn phòng	9	
	Máy chiếu	0	
	Điều hòa	24	

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng

a) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận Kiểm định chất lượng giáo dục

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá để khắc phục những hạn chế nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Kết quả tự đánh giá KĐCL cấp độ 1.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt KĐCLGD.

- Quyết định số 625/QĐ-SGDĐT ngày 17/6/2024 Quyết định công nhận trường học đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1.

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình

a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp: Chương trình GDMN theo văn bản hợp nhất số 01/VBHT-BGDĐT ngày 13/4/2021 Thông tư Ban hành chương trình GDMN.

b) Tên cơ quan tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục: Sở Giáo dục và Đào tạo

c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động khác: Cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT Ban hành chương trình làm quen tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo

5. Kế hoạch và hoạt động giáo dục mầm non

a) Kết quả tuyển sinh năm học 2024 -2025

Nhóm, lớp	Kế hoạch UBNTP giao		Số lớp, số trẻ chuyển lên lớp		Số trẻ tuyển bổ sung		Trẻ khuyết tật
	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
1. Khối nhà trẻ							
25 - 36 tháng	2	28	2	11	2	17	0
2. Khối MG							
Khối 3 - 4 tuổi	3	75	3	46	3	29	0
Khối 4 - 5 tuổi	4	114	4	87	4	27	0
Khối 5 - 6 tuổi	4	122	4	102	4	20	0
Tổng số	13	339	13	246	13	93	0

Thời gian tuyển sinh: từ tháng 8/2024 đến khi đủ chỉ tiêu

b) Kế hoạch chăm sóc, giáo dục

STT	Nội dung	Năm học 2024 - 2025
1	Tổng số lớp	13
2	Tổng số trẻ	339
3	Số trẻ bình quân/nhóm (lớp)	
	Nhà trẻ	28
	Mẫu giáo	311
4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	311
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	339

6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	339
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5T	122
8	Số trẻ khuyết tật	0

III. Kết quả công khai tài chính

1. Các khoản theo nguồn kinh phí NSNN năm 2023

STT	NỘI DUNG/ NGUỒN CHI	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN TỰ CHỦ	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN KHÔNG TỰ CHỦ
I	MỤC LỤC NGÂN SÁCH		
1	DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG		0
2	DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM	3.383.742.000	90.000.000
3	DỰ TOÁN BỔ SUNG	622.830.000	0
4	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH (GIẢM)		-30.600.000
	DỰ TOÁN THU (1+2+3-4)	4.006.572.000	59.400.000
II	QUYẾT TOÁN CHI		
	I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	4.006.572.000	
1	Tiền lương	1.826.119.179	
2	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	28.576.000	
3	Phụ cấp lương	955.533.260	
4	Các khoản đóng góp	520.586.705	
5	Thanh toán dịch vụ công cộng	20.604.492	
6	Thông tin truyền thông, liên lạc	11.306.204	
7	Công tác phí	18.000.000	
8	Chi phí thuê mướn	39.248.000	
9	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	11.050.600	
10	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	14.454.778	
	Mua sắm tài sản vô hình	6.000.000	
11	Chi khác	478.845.000	
12	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	76.247.782	
	II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		59.400.000
3	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		59.400.000
	DỰ TOÁN CÒN LẠI	0	0
	CHUYỂN SANG NĂM 2024	0	0

KINH PHÍ HUỖ	0	0
--------------	---	---

2, Công khai thu học phí + các khoản thu dịch vụ

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN CÁC KHOẢN THU CHI NĂM HỌC 2023-2024
I, CÔNG KHAI KHOẢN CHI TRẢ CÁC CHÁU HỘ NGHÈO NĂM HỌC 2023-2024

STT	HỌ TÊN	LỚP	ĐỐI TƯỢNG	SỐ THÁNG	SỐ TIỀN
	Không				
TỔNG CỘNG				0	0

II, CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU THEO QUY ĐỊNH, THU HỘ CHI HỘ NĂM HỌC 2023-2024

STT	DANH MỤC THU	TÒN T8/2023	TỔNG THU T9/2023 - T5/2024	TỔNG CHI T9/2023 - T5/2024	CHUYỂN NĂM SAU
1	Tiền học phí		399.915.164	399.915.164	0
2	Tiền ăn	86.808.507	1.402.720.000	1.397.623.204	91.905.303
3	Tiền bán trú (Công cô)		691.551.608	691.551.608	0
4	Tiền PP (Ga, điện nước, phụ phí)	56.258	155.599.536	152.090.808	3.564.986
5	Điện điều hòa		25.146.501	25.146.501	0
6	Tiền BHTT		73.970.000	73.970.000	0
7	Tiền học thứ 7		289.687.500	289.687.500	0
8	Tiền đồ dùng bán trú	4.879.440	21.000.000	25.165.560	713.880
9	Tiền đón sớm trả muộn		196.783.500	196.783.500	0
10	Tiền nước uống	6.487.857	14.400.856	20.006.720	881.993
11	Tiền lao công	-443.615	34.580.216	33.123.000	1.013.601
12	Tiền đồ dùng học tập		85.750.000	85.750.000	0
Tổng cộng		97.788.447	3.172.726.717	3.773.885.343	98.079.763

3. Công khai các quỹ để lại năm 2023

STT	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	Số tiền
1	Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	90.000.000
2	Quỹ phúc lợi	106.000.000
3	Quỹ khen thưởng	18.000.000
4	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	129.000.000

Tổng số	343.000.000
----------------	--------------------

2. Công khai các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí dự kiến năm học 2024 – 2025

TT	NỘI DUNG	NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO	GHI CHÚ
1	Tiền học phí	165.000đ/ tháng	135.000đ/ tháng	

2, Danh mục, mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
1	Tiền ăn	đồng/học sinh/tháng	572.000	(22.000đ/ ngày x 26 ngày/ tháng)
2	Tiền phụ phí	đồng/học sinh/tháng	48.000	Bao gồm (chất đốt, điện, nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa)
3	Tiền chăm sóc, phục vụ bán trú	đồng/học sinh/tháng	240.000	(trả người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, quản lý)
4	Tiền nước uống cho học sinh	đồng/học sinh/tháng	3.000	
5	Tiền vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh trong các cơ sở giáo dục	đồng/học sinh/tháng	20.000	(bao gồm tiền lao công, dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn)
6	Tiền ngày thứ 7	đồng/học sinh/tháng	150.000	Áp dụng cho phụ huynh đăng ký gửi con (Trả trực tiếp cho giáo viên giảng dạy)
7	Tiền đón sớm, trả muộn	đồng/học sinh/tháng	88.000	4.000đ/ giờ x 22 ngày/ tháng (Áp dụng cho phụ huynh đăng ký gửi con trả trực tiếp cho giáo viên)
8	Tiền điện điều hòa phục vụ trực tiếp cho nhu cầu học sinh.	đồng/học sinh/tháng		Theo thực tế số điện năng sử dụng
9	Tiền đồ dùng đồ chơi và học liệu			Thu 1 lần trong năm học
	Nhà trẻ		200.000	
	Mẫu giáo 3 tuổi		250.000	
	Mẫu giáo 4 tuổi		250.000	
	Mẫu giáo 5 tuổi		300.000	
10	Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho học sinh		200.000	Thu trẻ ăn bán trú lần đầu (từ thời điểm ăn bán trú đến hết khóa học)

Tổng tiền nhà trẻ (Có học thứ 7 + đón sớm trả muện)	1.286.000
Tổng tiền mẫu giáo (Có học thứ 7 + đón sớm trả muện)	1.256.000

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản trị nhà trường đảm bảo dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng, hiệu quả gắn với trách nhiệm của mỗi thành viên trong thực hiện nhiệm vụ.

- Thực hiện nghiêm túc công tác bảo đảm an toàn cho trẻ em; đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN gắn với phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện trường, lớp, địa phương nhu cầu khả năng của trẻ em.

- Cân đối nguồn kinh phí đầu tư sửa chữa CSVN, mua sắm thiết bị đồ dùng thực hiện Chương trình GDMN, đảm bảo các điều cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, tài liệu, học liệu đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN hiện hành; thực hiện các giải pháp huy động trẻ đến trường, hướng đến thực hiện phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi.

- Bố trí cơ cấu giáo viên phù hợp, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQLGVNV đảm bảo có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; tham mưu các cấp tuyển đủ số lượng giáo viên theo quy định; thực hiện đúng quy trình đánh giá, bồi dưỡng CBQL, GVMN theo chuẩn nghề nghiệp GVMN và chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

- Đẩy mạnh các giải pháp xã hội hóa GDMN để đảm bảo các điều kiện nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu giáo dục.

- Tăng cường tuyên truyền về GDMN với nhiều hình thức; triển khai hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CĐS) trong quản trị nhà trường; góp phần nâng cao chất lượng thực hiện tốt chương trình giáo dục mầm non.

- Thực hiện nhiệm vụ đột phá trong năm học 2024 – 2025: Tổ chức sân chơi trải nghiệm cho trẻ phù hợp với điều kiện thực tế nhằm nâng cao chất lượng CSNDGD.

Trên đây là báo cáo công khai theo Thông tư số 09/2024/BGDĐT của trường Mầm non Bình Hàn năm học 2024 - 2025./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- Phòng TCKH thành phố (b/c);
- Ban đại diện CMHS nhà trường;
- CBGV, NV nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hà

